

Đơn vị: Công ty cổ phần 482
Địa chỉ: 155 Trường Chinh - Vinh- Nghệ An

Mẫu số CBTT-03
(Ban hành theo TT số 38/2007/TT-BTC
ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý 3 năm 2009

I.A. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	A. Tài sản ngắn hạn	98,893,170,221	97,227,613,519
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	728,418,796	1,680,952,696
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1,417,500,000	988,071,042
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	23,079,591,876	34,076,655,199
4	Hàng tồn kho	70,651,049,725	56,944,919,833
5	Tài sản ngắn hạn khác	3,016,609,824	3,537,014,749
II	Tài sản dài hạn	25,627,384,033	26,416,614,458
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	25,381,317,278	26,048,214,397
	- Tài sản cố định hữu hình	25,381,317,278	26,048,214,397
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Tài sản cố định vô hình	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
5	Tài sản dài hạn khác	246,066,755	368,400,061
III	Tổng cộng tài sản	124,520,554,254	123,644,227,977
IV	Nợ phải trả	103,384,134,823	100,775,695,972
1	Nợ ngắn hạn	93,129,404,420	89,412,045,359
2	Nợ dài hạn	10,254,730,403	11,363,650,613
V	B. Vốn chủ sở hữu	21,136,419,431	22,868,532,005
1	Vốn chủ sở hữu	21,130,512,086	22,868,532,005
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15,000,000,000	15,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	649,107,000	649,107,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	2,628,882,466	2,628,882,466

	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,852,522,620	4,590,542,539
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	5,907,345	
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,907,345	
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
	Tổng cộng nguồn vốn	124,520,554,254	123,644,227,977

II.A. Kết quả hoạt động kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	52,612,422,688	115,659,136,258
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52,612,422,688	115,659,136,258
4	Giá vốn hàng bán	47,513,827,440	102,572,181,811
5	Lợi nhuận gộp về hàng bán và cung cấp dịch vụ	5,098,595,248	13,086,954,447
6	Doanh thu hoạt động tài chính	17,738,742	890,129,824
7	Chi phí tài chính	212,567,870	825,651,521
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,320,367,401	7,162,452,670
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,583,398,719	5,988,980,080
11	Thu nhập khác	388,618,182	495,272,728
12	Chi phí khác	650,364,313	720,863,962
13	Lợi nhuận khác	-261,746,131	-225,591,234
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,321,652,588	5,763,388,846
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	290,206,574	720,423,607
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,031,446,014	5,042,965,239
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,354.30	33,361.97
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

V. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản			
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn			
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn			
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh			
	- Khả năng thanh toán hiện hành			
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		

	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ SH			

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2009

Lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT - Giám đốc

Nguyễn Đình Phong

Phan Sỹ Hùng

Lê Ngọc Hoa